

Bản án số: 442/2025/HC-PT

Ngày 17 - 4 - 2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Hà Huy Cầu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 949/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 336/2024/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3453/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Trần Thị K, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: 2 P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Bảo N, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Lầu A, số B T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Xuân T - Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (vắng mặt).

- **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân (gọi tắt là “*Chủ tịch UBND*”) Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở: D D, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch U: Ông Phạm Quang T1; Chức

vụ: Phó Chủ tịch U (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch U: Ông Thái Thành T2; Chúc vụ: Phó trưởng Phòng T4 (có mặt).

- *Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trần Thị K.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, người khởi kiện bà Trần Thị K có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Bảo N trình bày:

Năm 2002, ông Lê Văn H có sang nhượng cho bà K phần diện tích đất ngang 3,5m x 10m thuộc một phần thửa đất số 08 tờ bản đồ số 84 với giá 90.000.000 đồng. Sau đó, tháng 02/2018 bà K tiếp tục nhận chuyển nhượng thêm một phần diện tích đất ngang 1,5m theo hướng T cũng nằm một phần thửa đất số 08 tờ bản đồ số 84 tọa lạc tại đường P, Phường F, Quận H của ông Lê Văn H với số tiền là 22.000.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà K về đây cất nhà cấp 4 và sinh sống ổn định từ đó tới nay.

Ngày 28/8/2023, Ông Võ Thành P - Cán bộ Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường thuộc U, Quận H lập “*Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai*” với nội dung bà K đã có các hành vi vi phạm hành chính: “*Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị, diện tích đất chiếm dưới 0,05 héc ta (cụ thể diện tích 40m²) tại địa chỉ không số đường P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 84 Bản đồ địa chính, Phường 6 về theo hiện trạng số 03/BVHT do Công ty TNHH D lập ngày 19/06/2023.*”. Việc lập Biên bản vi phạm này được thực hiện lúc 11 giờ 25 phút ngày 28/8/2023, thời điểm này bà K không có mặt tại nhà. Sau đó, ngày 08/9/2023, Chủ tịch U ra Quyết định số 363/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với nội dung:

- Xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị K đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị với diện tích đất CHIẾM dưới 0,05 héc ta (cụ thể diện tích 40m²) theo Bản vẽ hiện trạng số 03/BVHT do Công ty TNHH D lập ngày 19/06/2023.

- Phạt tiền: Số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà K phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019; Buộc bà K nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm với số tiền là 8.032.841 đồng (tám triệu không trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi một đồng) quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 (sau đây gọi tắt là “*Quyết định số 363/QĐ-XPHC*”).

Việc Chủ tịch U ra Quyết định số 363/QĐ-XPHC đối với bà K là không có

cơ sở, không đúng với thực tế và quy định của pháp luật, đã vi phạm rất nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của bà K bởi: Nguồn gốc đất là do bà K nhận sang nhượng hợp pháp từ ông Lê Văn H từ năm 2002 tới nay gia đình bà K quản lý, sử dụng ổn định hợp pháp trong phần diện tích đất bà K nhận chuyển nhượng. Gia đình bà K không có bất kỳ hành vi lấn chiếm đất nào như nội dung Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai do U, Quận H lập ngày 28/8/2023.

Ngày 18/12/2023, dựa vào Quyết định số 363/QĐ-XPHC, Chủ tịch U tiếp tục ban hành Quyết định số 547/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu (sau đây gọi tắt là “*Quyết định số 547/QĐ-CCXP*”).

Không đồng ý với Quyết định số 547/QĐ-CCXP nên bà K đã khiếu nại. Ngày 10/4/2024, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 1594/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần đầu): Không công nhận nội dung khiếu nại của bà K (sau đây gọi tắt là “*Quyết định số 1594/QĐ-UBND*”).

Việc Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành các Quyết định nêu trên là không có cơ sở, không đúng với thực tế và quy định của pháp luật đã vi phạm rất nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của bà K nên bà K đề nghị Toà án xem xét:

- Hủy Quyết định số 363/QĐ-XPHC.
- Hủy Quyết định số 547/QĐ-CCXP.
- Hủy Quyết định số 1594/QĐ-UBND.

- Người bị kiện Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Nguồn gốc khu đất tại địa chỉ không số, đường P, Phường F, Quận H thuộc phần thửa đất số 6, 8 tờ bản đồ số 84 theo tài liệu 2002, diện tích 1.169,1m² (thuộc thửa số 67, 68, tờ bản đồ số 1 theo Chỉ thị số 02/CT-UB) có nguồn gốc do Hợp tác xã Chiến Thắng quản lý, giao khoán cao cho hộ bà Ung Thị T3 sử dụng. Căn cứ Kết luận số 2810/KL-UBND ngày 08/11/2017 của U về việc kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc do Hợp tác xã C (khoán cao) tại U trong kết luận có nêu: “... *Tại khu đất thuộc phần thửa số 6, 8 tờ bản đồ số 84 theo Tài liệu 2002, diện tích 1.169,1m² (thuộc thửa số 67, 68, tờ bản đồ số 1 theo Chỉ thị số 02/CT-UB), giao khoán cao cho hộ bà Ung Thị T3 sử dụng, có phát sinh xây dựng nhà tạm cột gỗ, vách ván, tôn, mái tôn trên toàn bộ khu đất. Hiện nay, trên khu đất này ông H (cháu bà Ung Thị T3) đã chia nhỏ các phần đất và bán lại bằng giấy tay cho nhiều người xây nhà tạm...*”.

- Giao Chủ tịch U, Quận H nhanh chóng có biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả theo quy định đối với 05 khu đất khoán cao có phát sinh xây dựng không phép báo cáo kết quả trước ngày 31/12/2017.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 2810/KL-UBND ngày 08/11/2017 của U. Ngày 02/3/2023, U, Quận H có Biên bản làm việc với Hợp tác xã Chiến Thắng liên quan đến khu đất có nguồn gốc do Hợp tác xã C quản lý. Theo đó, ông Hồ Văn Đ đại diện Hợp tác xã C xác định khu đất thuộc một phần thửa 8 tờ 84 Bản

đồ địa chính (nhằm một phần thửa 67 tờ bản đồ 01 - theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường F, Quận H do Hợp tác xã giao khoán (khoán cao) cho bà Ung Thị T3 canh tác, bà T3 đã chết, cháu bà T3 là ông Lê Văn H tiếp tục canh tác và tự ý bán một phần đất cho một số hộ dân không thông qua Hợp tác xã, các hộ này tự lấn chiếm xây dựng nhà không phép.

Ngày 10/3/2023, U, Quận H lập Biên bản làm việc với bà Trần Thị K yêu cầu tự khắc phục công trình xây dựng nhà ở không phép lấn chiếm đất công do Nhà nước quản lý trước ngày 30/3/2023 nhưng bà Trần Thị K không ký tên vào Biên bản làm việc.

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 02/3/2023 với Hợp tác xã C và Biên bản làm việc ngày 10/3/2023 với bà Trần Thị K, U, Quận H xác định bà Trần Thị K đã chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị và xây dựng nhà ở không phép thời điểm từ ngày 01/12/2016.

Ngày 28/8/2023, U, Quận H lập Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC về hành vi vi phạm chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị, diện tích đất chiếm dưới 0,05 héc ta (cụ thể diện tích là 40m²) tại địa chỉ không số, đường P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; thuộc một phần thửa 8 tờ 84 Bản đồ địa chính (nhằm một phần thửa 67, 68 tờ bản đồ 01 - theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường F, Quận H (theo Bản vẽ hiện trạng số 03/BVHT do Công ty Trách nhiệm hữu hạn D lập ngày 19/6/2023) đối với bà Trần Thị K.

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013, bà Trần Thị K có hành vi vi phạm hành chính như sau:

“Điều 12. Những hành vi bị nghiêm cấm:

1. Lấn, chiếm, hủy hoại đất đai.”

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tại điểm a khoản 2 Điều 3 quy định:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ.

2. Chiếm đất là việc sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép”.

Căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định:

“2. Trường hợp lấn, chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn thì hình thức và mức xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm dưới 0,05 héc ta;

...

5. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này) tại khu vực đô thị thì mức xử phạt bằng 02 lần mức xử phạt đối với loại đất tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và mức phạt tối đa không quá 500.000.000 đồng đối với cá nhân, không quá 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức”.

Mức phạt tiền đối với bà Trần Thị K được tính như sau:

- Mức phạt hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất diện tích dưới 0,05 héc ta: từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng;

- Mức phạt tại khu vực đô thị: từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng;

- Như vậy, mức phạt chiếm đất nông nghiệp tại đô thị: $[(6.000.000 \text{ đồng} + 10.000.000 \text{ đồng})/2] = 8.000.000 \text{ đồng}$ (tám triệu đồng);

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tại điểm a, điểm d, khoản 7 Điều 14 quy định:

“... 7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

...

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này; số lợi bất hợp pháp được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này...”

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND Thành phố H về ban hành Quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 4114/HDLCQ-STNMT-STC-SXD-CT ngày 28/5/2020 của Sở T5, Sở T6, Sở Xây dựng, Cục T7 về việc áp dụng Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND Thành phố;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ: “... Việc nộp số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đã xảy ra trước ngày Nghị định số 91/2019/NĐ-CP có hiệu lực

thi hành chỉ áp dụng đối với các hành vi vi phạm mà các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai trước đây (trước Nghị định số 91/2019/NĐ-CP) có quy định phải nộp số lợi bất hợp pháp. Thời gian xác định số lợi bất hợp pháp phải nộp chỉ tính từ khi Nghị định có quy định hành vi vi phạm phải nộp số lợi bất hợp pháp có hiệu lực thi hành hoặc tính từ ngày xảy ra vi phạm nếu vi phạm xảy ra sau ngày Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai đầu tiên có quy định phải nộp số lợi bất hợp pháp đã có hiệu lực. Việc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định tại Nghị định này”.

Theo đó, số lợi bất hợp pháp đối với bà Trần Thị K được tính như sau:

- Giá trị của 40m² (căn cứ Bản vẽ hiện trạng do Công ty Trách nhiệm hữu hạn D lập ngày 19/6/2023) tính theo giá đất ở thuộc vị trí 4 (đường P, đoạn từ Cầu N đến Cầu B): $40 * 12.000.000 \text{ đồng} * 0.5 * 0.8 * 0.8 = 153.600.000 \text{ đồng}$.

- Số năm vi phạm từ ngày 05/01/2020 đến ngày 28/8/2023: $(0.0028 * 251 \text{ ngày}) + 3 \text{ năm} = 3,6608$.

- Như vậy, số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị buộc Trần Thị K phải nộp là: 8.032.841 đồng.

Căn cứ những quy định pháp luật, Chủ tịch UBND Quận 8 ban hành Quyết định số 363/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi vi phạm hành chính của bà Trần Thị K là đúng quy định pháp luật.

Để đảm bảo thi hành Quyết định số 363/QĐ-XPHC, sau thời gian cho tự nguyện chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả nhưng bà Trần Thị K không chấp hành, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 547/QĐ-XPHC ngày 18/12/2023 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 22/12/2023, bà Trần Thị K có đơn khiếu nại yêu cầu xem xét, hủy bỏ Quyết định số 547/QĐ-XPHC. Qua xác minh, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần đầu) không công nhận nội dung khiếu nại của bà Trần Thị K theo đơn ghi ngày 22/12/2023.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch U yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 336/2024/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 60, 116, 158, Điều 193 và 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ;

Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K, gồm:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 363/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hủy Quyết định số 547/QĐ-CCXP ngày 18/12/2023 của Chủ tịch U, thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1594/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần đầu).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, người khởi kiện bà Trần Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Lý do kháng cáo: Tòa sơ thẩm xét xử là chưa xem xét đầy đủ tính hợp pháp, trình tự, thủ tục ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Mức phạt hành chính áp dụng là không phù hợp, không đúng đối tượng và đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị K.

Vì thế, bà K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K, hủy các quyết định hành chính bị kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Người kháng cáo bà Trần Thị K có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Bảo N, trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cùng các lý do và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị K như đã nêu trên. Yêu cầu kháng cáo của bà K là có căn cứ, cụ thể: Quyết định 363/QĐ-XPHC áp dụng pháp luật không còn hiệu lực tại thời điểm ban hành do thời điểm ban hành thì Nghị định 91/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định 04/2022/NĐ-CP nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng Nghị định 04/2022/ NĐ-CP; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 363/QĐ-XPHC ban hành khi thời hiệu xử phạt đã hết vi phạm Điều 4 Nghị định 91/2019/NĐ-CP; hành vi của ông Lê Văn H có đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 174 Bộ luật Hình sự và thuộc trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính vì ông H tự ý sử dụng đất Hợp tác xã Chiến Thắng để chia nhỏ, liên tục bán cho các hộ dân trong khi đất không thuộc quyền sử dụng của ông H; đất là của Hợp tác xã Chiến Thắng, Hợp tác xã không yêu cầu UBND giải quyết việc người dân lấn chiếm đất của Hợp tác xã thì việc U và U xử lý vi phạm hành chính đối với bà K là vượt quá quyền hạn; Quyết định 363/QĐ-XPHC phạt tiền bà K 8.000.000 đồng là không đúng quy định tại Điều 5 Nghị định 91/2019/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung khắc phục hậu

quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp với số tiền 8.032.841 đồng, tính theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP là không đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành quyết định; trình tự, thủ tục ban hành quyết định vi phạm quy định tại Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP do Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC của U lập ngày 08/9/2023 là vi phạm thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định trên.

Từ các nội dung và căn cứ trên, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 363/QĐ-XPHC do U ban hành ngày 08/9/2023 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị K là không hợp pháp, không đúng quy định pháp luật hiện hành về hình thức và nội dung, nên Quyết định 547/QĐ-CCXP ngày 18/12/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả cũng là không đúng. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà K, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K hủy các quyết định hành chính bị kiện.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Thái Thành T2 trình bày:* Bảo lưu lời trình bày của người bị kiện như nội dung án sơ thẩm đã nêu, đồng ý đối với nhận định và quyết định của án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà K, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- *Về nội dung:* Khi giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, không có căn cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị K, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 336/2024/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị K còn trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện, Tòa sơ thẩm xác định và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vắng mặt, đại diện hợp pháp của người khởi kiện đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư. Vì vậy, căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

Về nội dung:

[1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 38, Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 363/QĐ-XPHC và Quyết định số 547/QĐ-CCXP là đúng quy định pháp luật.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 1594/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K:

[2.1] Đối với Quyết định số 363/QĐ-XPHC:

[2.1.1] Về nguồn gốc:

Khu đất tại địa chỉ không số, đường P, Phường F, Quận H thuộc phần thửa đất số 6, 8 tờ bản đồ số 84 theo tài liệu 2002, diện tích 1.169,1m² (thuộc thửa số 67, 68, tờ bản đồ số 1 theo Chỉ thị số 02/CT-UB) có nguồn gốc do Hợp tác xã Chiến Thắng quản lý, giao khoán cao cho hộ bà Ung Thị T3 sử dụng phát sinh xây dựng nhà tạm cột gỗ, vách ván, tôn, mái tôn trên toàn bộ khu đất. Hiện nay, trên khu đất này ông H (cháu bà Ung Thị T3) đã chia nhỏ các phần đất và bán lại bằng giấy tay cho nhiều người xây nhà tạm. Trong đó ngày 15/3/2002, ông Lê Văn H đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị K phần đất diện tích 3,5m x 10m.

[2.1.2] Về hành vi vi phạm:

Ngày 28/8/2023, U, Quận H lập Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC về hành vi vi phạm chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị, diện tích đất chiếm dưới 0,05 héc ta (cụ thể diện tích là 40m²) đối với bà Trần Thị K. Xét thấy, tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì bà K sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Hợp tác xã C mà không được Hợp tác xã Chiến Thắng cho phép, nhưng bà K vẫn sử dụng. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai 2013, bà K có hành vi vi phạm hành chính là chiếm đất.

- Căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ mức phạt tiền đối với bà Trần Thị K là 8.000.000 đồng;

- Căn cứ điểm a, điểm d, khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ;

- Căn cứ Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2024;

- Căn cứ Hướng dẫn số 4114/HDLCQ-STNMT-STC-SXD-CT ngày 28/5/2020 của Sở T5, Sở T6, Sở Xây dựng, Cục T7 về việc áp dụng Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của U;

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch U buộc bà K nộp phạt 8.000.000 đồng, khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm, đồng thời nộp lại số lợi bất hợp pháp 8.032.841 đồng là phù hợp. Vì vậy, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 363/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi vi phạm hành chính của bà K là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Quyết định số 547/QĐ-CCXP ngày 18/12/2023 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do bà K không thi hành Quyết định số 363/QĐ-XPHC nên Chủ tịch U ban hành Quyết định số 547/QĐ-CCXP ngày 18/12/2023 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Nội dung của Quyết định số 547/QĐ-CCXP ngày 18/12/2023 phù hợp với nội dung Quyết định số 363/QĐ-XPHC. Do đó, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 547/QĐ-CCXP là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Quyết định giải quyết khiếu nại số 1594/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Quyết định số 547/QĐ-CCXP đúng pháp luật nên Chủ tịch U ban hành Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần đầu) không công nhận nội dung khiếu nại của bà K là phù hợp.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, không có căn cứ nào mới nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận đề nghị của Luật sư, bác kháng cáo của bà Trần Thị K, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Trần Thị K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041106 ngày 28/8/2024 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 143, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị K, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 336/2024/HC-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K, gồm:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 363/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hủy Quyết định số 547/QĐ-CCXP ngày 18/12/2023 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1594/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị K (lần đầu).

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041106 ngày 28/8/2024 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT (5), HS (2), 20b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu